

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NAM KIM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2247/2026/CV-BTGD
V/v Giải trình kết quả hoạt động kinh
doanh riêng chênh lệch so với báo cáo
cùng kỳ năm trước

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**Trụ sở chính: **Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**Mã chứng khoán: **NKG**Điện thoại: **(84 - 274) 3748 848** Fax: **(84 - 274) 3748 868**

Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính, bằng văn bản này, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim xin giải trình về việc kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý II năm 2026 biến động tăng so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

STT	Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay (01.04.2026- 30.06.2026)	Quý 2 năm trước (01.04.2025- 30.06.2025)	Chênh lệch	
				Số tiền	Phần trăm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,317,433,481,471	3,841,781,569,870	1,475,651,911,601	38.41%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	15,917,064,469	20,563,282,869	(4,646,218,400)	-22.59%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,301,516,417,002	3,821,218,287,001	1,480,298,130,001	38.74%
4	Giá vốn hàng bán	4,753,039,543,776	3,568,061,467,394	1,184,978,076,382	33.21%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	548,476,873,226	253,156,819,607	295,320,053,619	116.65%
6	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	-	-	-	-
7	Doanh thu hoạt động tài chính	3,923,444,438	60,650,439,198	(56,726,994,760)	-93.53%
8	Chi phí tài chính	84,462,798,969	139,434,602,615	(54,971,803,646)	-39.42%
	- Trong đó: chi phí lãi vay	65,924,147,367	59,924,772,067	5,999,375,300	10.01%
9	Chi phí bán hàng	146,843,766,911	134,217,257,351	12,626,509,560	9.41%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38,469,565,704	28,314,199,744	10,155,365,960	35.87%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	282,624,186,080	11,841,199,095	270,782,986,985	2286.79%
12	Thu nhập khác	281,926,092	95,623,329,121	(95,341,403,029)	-99.71%

STT	Chỉ tiêu	Quý 2 năm nay (01.04.2026- 30.06.2026)	Quý 2 năm trước (01.04.2025- 30.06.2025)	Chênh lệch	
				Số tiền	Phần trăm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
13	Chi phí khác	20,020,021	1,420,096,825	(1,400,076,804)	-98.59%
14	Lợi nhuận khác	261,906,071	94,203,232,296	(93,941,326,225)	-99.72%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	282,886,092,151	106,044,431,391	176,841,660,760	166.76%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	56,663,218,740	21,272,251,441	35,390,967,299	166.37%
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
18	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	226,222,873,411	84,772,179,950	141,450,693,461	166.86%

* Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính Q2.2026 là 226,222,873,411 đồng, tăng 166.86% so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu là do:

- Do nhu cầu thị trường tăng dẫn tới doanh thu tăng 38.41% tỷ lệ tăng cao hơn 5.20% so với mức tăng giá vốn 33.21%. Giá vốn tăng tương ứng với sản lượng tiêu thụ nhưng chỉ tăng 33.21% dẫn tới lợi nhuận gộp tăng 116.65%, lợi nhuận sau thuế tăng 166.86%.

- Chi phí bán hàng tăng 9.41% tương ứng với lượng hàng bán trong kỳ.

- Chi phí tài chính giảm 39.42% do chênh lệch tỷ giá giảm so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cam kết các lý do báo cáo trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung giải trình.

Xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN VINH AN